

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo tình hình công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Ngay từ đầu năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện chương trình trọng điểm về CCHC bằng các quyết định, kế hoạch, chỉ thị về đẩy mạnh CCHC gắn với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh, cụ thể là:

Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC năm 2021; Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Kế hoạch số 266/KH-UBND về tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 23/12/2020 về triển khai thực hiện Chương trình CCHC gắn với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh năm 2021; Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 24/12/2020 về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đô thị thông minh; Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 31/12/2020 về thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, các cơ quan, đơn vị đã chủ động tham mưu thực hiện 15/32 nhiệm vụ trong Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh.

##### **2. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC, ngày 16/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 266/KH-UBND về tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021. Tiếp tục duy trì chuyên trang, chuyên mục CCHC trên Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh -

Truyền hình tỉnh, Công dịch vụ công tỉnh và hệ thống Đài truyền thanh - truyền hình tại các huyện, thị xã, thành phố. Tuyên truyền CCHC trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, website của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp.

Duy trì thường xuyên việc công khai TTHC, công khai kết quả giải quyết TTHC tại Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị và tổ chức tiếp nhận ý kiến đóng góp của tổ chức, công dân và doanh nghiệp về TTHC.

### **3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính**

Ngày 31/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo trong năm 2021; với mục tiêu là tập trung thực hiện việc đánh giá khách quan, toàn diện tình hình triển khai; phát hiện những cách làm hay, sáng tạo và những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC, ISO và thực hiện ý kiến chỉ đạo trong năm 2021.

Do tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, vì vậy, trong 6 tháng đầu năm 2021, chưa triển khai kiểm tra công tác CCHC tại các cơ quan, địa phương. Theo kế hoạch, từ tháng 7/2021 đến tháng 11/2021, Đoàn Kiểm tra của tỉnh sẽ tiến hành kiểm tra trên 30% tổng số các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (gồm: 7/21 sở, ban, ngành cấp tỉnh; 03/9 UBND cấp huyện và một số phòng, ban, ngành, địa phương cấp xã).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

- Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của đơn vị, địa phương được tiến hành nghiêm túc, kịp thời. Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của chính quyền địa phương các cấp. Đầu năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 20/01/2021 về việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và ban hành các Kế hoạch để triển khai thực hiện trong năm 2021 như: Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 19/11/2020 về xây dựng văn bản QPPL năm 2021; 289/KH-UBND ngày 31/12/2020 về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; 267/KH-UBND ngày 17/12/2020 về kiểm tra văn bản QPPL; 245/KH-UBND ngày 19/11/2020 về

công tác pháp chế và Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 31/12/2020 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021.

- Đến hết ngày 14/6/2021, HĐND và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành 45 văn bản QPPL (trong đó có 10 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 35 Quyết định của UBND tỉnh).

b) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: ngày 31/12/2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 289/KH-UBND về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2021; Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 25/01/2020 công bố Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2021. Công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng theo quy định của pháp luật, từ đầu năm đến nay, đã tham mưu tiến hành rà soát 449 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND ban hành còn hiệu lực. UBND tỉnh ban hành các Báo cáo: rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây khó khăn, vướng mắc cản trở hoạt động đầu tư kinh doanh và đời sống xã hội, qua đó, đã đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL (gồm Luật, Nghị định, Thông tư) nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội; rà soát nhận diện đầy đủ các tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật trước các tác động mạnh mẽ, dài hạn của đại dịch Covid-19 và đã có các kiến nghị, đề xuất giải pháp cụ thể; đồng thời thực hiện rà soát, đề xuất định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật và các nội dung xây dựng chiến lược pháp luật Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Căn cứ nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2021 của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 và Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2021. Thực hiện Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 29/4/2021 về triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số dịch vụ công trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và Công văn số 3679/UBND-HCC ngày 06/5/2021 về việc thúc đẩy cải cách TTHC, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành để chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND cấp huyện hoàn thành các mục tiêu tại Công văn số 516/TTg-KSTT ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tiếp tục duy trì và tiến hành rà soát lại bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương; UBND tỉnh đã ban hành các quyết định bao gồm:

- Đã ban hành 03 Quyết định phê duyệt danh mục một cửa. Trong đó: Bổ sung mới 02 danh mục TTHC trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; 47 Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 23/04/2021); 07 Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 22/3/2021).

- Đã ban hành 06 Quyết định, trong đó đã phê duyệt bổ sung 26 quy trình nội bộ để cấu hình điện tử giải quyết TTHC trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; hoàn thành phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và đã thiết lập 100% quy trình điện tử giải quyết TTHC trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hiện nay, đã phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế gồm 2.221 quy trình (cấp tỉnh: 1.709, cấp huyện: 368, cấp xã: 127 và cơ quan khác 17) và đã thiết lập 100% quy trình điện tử giải quyết TTHC trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế.

Triển khai thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 16/10/2019 về tổ chức thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Hiện tại, trên toàn tỉnh có 462 TTHC thực hiện tại chỗ toàn bộ quy trình giải quyết TTHC, trong đó có 297 TTHC được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 165 TTHC được thực hiện tại các Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Tiếp tục thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, thường xuyên kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các Trung tâm và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

Đến nay, toàn tỉnh có 2.204/2.204 TTHC (tỷ lệ 100%) được đưa vào thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, trong đó, cấp sở có 1.709 TTHC

một cửa (336 TTHC liên thông); UBND cấp huyện có 368 TTHC một cửa (35 TTHC liên thông); UBND cấp xã có 127 TTHC một cửa (17 TTHC liên thông). Đưa 2.186 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, trong đó: có 1382 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (cấp tỉnh: 1157 TTHC, cấp huyện: 189 TTHC, cấp xã: 34 TTHC, cơ quan khác: 02 TTHC) và 804 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (cấp tỉnh: 623 TTHC, cấp huyện: 116 TTHC, cấp xã: 57 TTHC, cơ quan khác: 08 TTHC). Đồng thời, công bố 486 TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, trong đó cấp tỉnh: 451 TTHC, cấp huyện 28 TTHC, cấp xã: 7 TTHC (Quyết định 3102/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh).

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: đã tiếp nhận 35.317 hồ sơ hợp lệ; đã giải quyết 33.184 hồ sơ, trong đó, trả kết quả trước hạn, đúng hạn 32.587 hồ sơ (đạt tỷ lệ 98,2%), trễ hạn 597 hồ sơ (tỷ lệ 1,8%); đang giải quyết 2.133 hồ sơ.

+ Tại các Trung tâm Hành chính công cấp huyện: đã tiếp nhận 65.413 hồ sơ hợp lệ; đã giải quyết 59.405 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn, đúng hạn 53.184 hồ sơ (đạt tỷ lệ 89,5%), trễ hạn 6.257 hồ sơ (tỷ lệ 10,5%); đang giải quyết 6.008 hồ sơ.

+ Tại UBND cấp xã: đã tiếp nhận 98.537 hồ sơ hợp lệ; đã giải quyết 96.259 hồ sơ, trong đó, trả kết quả trước hạn, đúng hạn 92.008 hồ sơ (đạt tỷ lệ 95,6%), trễ hạn 4.251 hồ sơ (tỷ lệ 4,4%); đang giải quyết 2.278 hồ sơ.

Về kết quả thu nhận hồ sơ cấp Căn cước công dân (CCCD): đến ngày 06/6/2021, toàn tỉnh đã tập trung huy động tối đa nguồn lực và đã thu nhận 733.528 hồ sơ CCCD (nhân khẩu thường trú 732.672; nhân khẩu tạm trú: 856) vượt trước 23 ngày so với thời gian do Chính phủ, Bộ Công an và là đơn vị thứ 3 trên toàn quốc hoàn thành chỉ tiêu cấp do Bộ Công an giao. Đã hoàn thiện hồ sơ và truyền dữ liệu cấp CCCD về Trung ương: 661.254 dữ liệu cấp CCCD, đạt 90,2% so với số hồ sơ CCCD đã thu nhận. Số thẻ CCCD đã được Cục C06 hoàn thiện, in trả về địa phương: 144.970 thẻ CCCD, đạt 20% so với số hồ sơ CCCD đã thu nhận.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước**

Trong năm 2021, tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung xây dựng

phương án tổ chức lại các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo yêu cầu tại các Nghị định 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án tổ chức lại các phòng chuyên môn, chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông và giảm được 03 phòng chuyên môn, 01 Chi cục (cụ thể: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giảm 01 phòng chuyên môn và 01 Chi cục; Sở Y tế giảm 01 phòng chuyên môn và Sở Thông tin và Truyền thông giảm 01 phòng chuyên môn); quy định lại chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp; sáp nhập Bệnh viện đa khoa Chân Mây trực thuộc Sở Y tế vào Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc trực thuộc Sở Y tế; hợp nhất Quỹ Bảo trợ trẻ em và Trung tâm Nuôi dưỡng và công tác xã hội và thành lập Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Đang xem xét phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy các Sở: Công Thương, Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa và Thể thao, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh. Các sở, ban, ngành còn lại và UBND các huyện, thị xã, thành phố đang xây dựng phương án tổ chức lại các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đã tổ chức thành công tốt đẹp, bảo đảm dân chủ, kỷ cương, đúng luật, an toàn cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, tỉnh Thừa Thiên Huế có 889.199 cử tri tham gia bầu cử tại 930 khu vực bỏ phiếu đạt tỷ lệ trên 99,9% cử tri đi bầu. Cử tri đã bầu được 7 đại biểu Quốc hội, 51 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 288 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và 3.278 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Không có đơn vị bầu cử nào phải bầu lại, bầu thêm.

#### **4. Cải cách công vụ**

- Các đơn vị tiếp tục thực hiện tốt việc bố trí công chức, viên chức theo danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt; qua đó, phát huy được năng lực, sở trường công tác và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Đồng thời, tích cực triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án công vụ để thực hiện nghiêm túc, hiệu quả trong thời gian tới. Tỉnh đã tổng hợp và báo cáo Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ năm 2020.

- Ngày 31/12/2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3413/QĐ-UBND về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021; theo đó, tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì tổ chức 39 lớp bồi dưỡng cho khoảng 2.750 lượt công chức, viên chức trên địa bàn (bao gồm 08 lớp bồi dưỡng chức danh

cán bộ, công chức cấp xã; 04 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên chính; 03 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng và 10 lớp bồi dưỡng Tin học nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, 04 lớp bồi dưỡng tiếng anh). Hiện nay, tỉnh tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên, 01 lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên chính, 01 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng. Ngoài ra, đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn.

- Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/3/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025.

## **5. Cải cách tài chính công**

- Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách: Thực hiện công khai tài chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó công khai rõ tổng nguồn thu, nguồn chi, chi tiết các nguồn thu và chi trong năm 2020 và công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước được thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; đến nay, số lượng đơn vị trên địa bàn tỉnh được giao thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm 363 đơn vị (trong đó: Cấp tỉnh 60 đơn vị; Cấp huyện 158 đơn vị; Cấp xã 145 đơn vị). Việc thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và công khai các nguồn thu, các khoản chi luôn được thực hiện nghiêm túc. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính tại các cơ quan, đơn vị ngày càng được nâng lên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra, giám sát, góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách của Nhà nước.

- Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL): Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ, đến thời điểm hiện nay 722 đơn vị (*trong đó: đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí thường xuyên và chi đầu tư: 01; đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động: 39; Đơn vị tự bảo đảm 1 phần chi phí hoạt động: 143; đơn vị do*

*ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động: 539*). Thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và công khai các nguồn thu, các khoản chi tại tỉnh luôn được thực hiện nghiêm túc. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính tại các cơ quan, đơn vị ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra, giám sát, góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách của Nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính tiến hành rà soát để xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

- Các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội: Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tăng cường công tác quản lý, giám sát thực hiện các chế độ, chính sách đảm bảo an sinh xã hội năm 2021, trong đó chú trọng tập trung tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển nhanh và bền vững; thực hiện đầy đủ, đúng, kịp thời các chính sách về tạo việc làm, y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội, chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số,... không để bất kỳ người dân, hộ gia đình nào thuộc đối tượng chính sách mà không được hưởng, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Đẩy mạnh cải cách về thuế, bảo hiểm xã hội đã cải cách bố trí công chức, viên chức nhận thủ tục hành chính tập trung vào một đầu mối tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công cấp huyện giảm bớt phiền hà và khó khăn cho người dân, tổ chức.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước: Trong năm 2021, lãnh đạo tỉnh xác định đẩy mạnh CCHC gắn với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 là Chương trình trọng điểm trong năm; đã tập trung đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước và tiếp tục triển khai, đẩy mạnh chính quyền điện tử. Triển khai thực hiện tốt các Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2019-2025”. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 100% sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có Trang thông tin điện tử (TTĐT), 145/145 UBND cấp xã có Trang TTĐT, đạt 100% cấp xã có Trang TTĐT. Các trang TTĐT đã thực hiện đầy đủ việc cập nhật tin bài thường xuyên, đồng thời qua đó thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các văn bản chính sách của nhà nước. Tỷ lệ tin trong 6 tháng đầu năm 2021, bài trên Trang TTĐT đạt trung bình gần 1,5-2 tin/ngày. 100% thủ tục hành chính của đơn vị vận hành trên Cổng



dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt hiệu quả tốt. Tiếp tục triển khai, áp dụng 05 phần mềm dùng chung của tỉnh: 100% cơ quan nhà nước sử dụng hệ thống phần mềm dùng chung tích hợp từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đã được liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia theo mô hình 04 cấp; 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã áp dụng chữ ký số trong văn bản điện tử. Đến nay, toàn tỉnh đã có 7.035 chứng thư số chuyên dùng và 98 sim KPI. 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3,4 và thực hiện Một cửa liên thông trên môi trường mạng; thực hiện hoàn toàn gửi/nhận văn bản qua mạng, đăng ký lịch họp và phát hành giấy mời qua mạng, phần mềm một cửa, theo dõi ý kiến chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh, triển khai trang điều hành tác nghiệp đa cấp,... 100% UBND cấp xã có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng mô hình Một cửa điện tử hiện đại; 100% UBND cấp huyện có phòng họp trực tuyến (thuê dịch vụ).

Đăng tải công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC để kịp thời tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Nhờ đó, đã giúp các cơ quan hành chính nhà nước có thêm thông tin về những vướng mắc khó khăn của các cá nhân, tổ chức; bảo đảm việc kiểm soát việc thực thi các quy định này trên thực tế; đồng thời kịp thời đôn đốc các đơn vị rà soát, đánh giá các quy định hành chính không còn phù hợp và chấn chỉnh hành vi của cán bộ, công chức, cơ quan hành chính nhà nước trong phục vụ Nhân dân. Đã xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh với 20 dịch vụ đô thị thông minh. Hệ thống có chức năng tiếp nhận phản ánh, theo dõi xử lý tất cả các vấn đề của người dân thông qua các công cụ chính: cổng thông tin dịch vụ đô thị thông minh; ứng dụng di động đô thị thông minh Hue-S, Hue-G; mạng xã hội Facebook, Zalo; tổng đài nóng. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh với các trang thiết bị hiện đại, tích hợp các công nghệ tiên tiến... đã góp phần xây dựng tỉnh phát triển thông minh và bền vững. Ứng dụng Dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng di động, tích hợp lên ứng dụng Hue-S. Hiện tại đã có gần 403.422 tài khoản công dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia;

Trong thời gian từ ngày 27/4 - 30/4/2021, tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai Tuần lễ chuyên đổi số - Huế 2021 với chủ đề “Cơ hội - thách thức” với nhiều hoạt động thiết thực, huy động được sự tham gia của nhiều đơn vị, cá nhân quan tâm đến lĩnh vực chuyên đổi số, nhất là các doanh nghiệp công nghệ thông tin; thông qua đó đã có các báo cáo định hướng, đề ra các phương pháp triển khai chuyên đổi số hiệu quả, công bố các nền tảng chuyên đổi số quan trọng của tỉnh trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục, du lịch,... của tỉnh để triển khai chính quyền số và đô thị thông minh trong thời gian tới.

- Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan đơn vị: Duy trì thường xuyên việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại 21 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 09 UBND huyện, thị xã, thành phố (cơ quan bắt buộc) theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với các cơ quan, đơn vị khuyến khích xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, hiện có 154/154 cơ quan đang áp dụng, duy trì, cải tiến, thực hiện công bố hoặc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (hoặc TCVN ISO 9001:2015); trong đó gồm 09 ban, chi cục trực thuộc sở và 145 xã, phường, thị trấn đang duy trì, cải tiến, thực hiện công bố hoặc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo xây dựng mô hình thống nhất hệ thống văn bản quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước kiểu mẫu (06 mô hình) và các quy trình nội bộ kiểu mẫu trong các cơ quan hành chính nhà nước với hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Xây dựng phần mềm hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên môi trường mạng áp dụng tại các cơ quan hành chính.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Trong 6 tháng đầu năm 2021, công tác CCHC được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, các văn bản chỉ đạo thực hiện CCHC được ban hành kịp thời. Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã phân công các cơ quan, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ trong công tác CCHC. Lãnh đạo tỉnh luôn xác định CCHC gắn liền với việc ứng dụng CNTT và ISO trong hoạt động cơ quan nhà nước. Việc rà soát và ban hành lại bộ TTHC đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân và đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước.

Việc triển khai cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, ứng dụng tiếp nhận TTHC trực tuyến qua phần mềm dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị đã tạo điều kiện thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Hệ thống văn bản QPPL trên các lĩnh vực được rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp phù hợp, quản lý nhà nước tốt hơn. Trách nhiệm, kỹ năng, nghiệp vụ hành chính, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từng bước được đổi mới, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương được tăng cường.

Đầu năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành quyết định công bố kết quả đánh

giá, xếp loại công tác CCHC năm 2020 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và công bố kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động năm 2020 của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua đó, việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện gắn với trách nhiệm người đứng đầu và công tác thi đua, khen thưởng đã góp phần tích cực và thay đổi sâu sắc nhận thức của người đứng đầu và cán bộ, công chức góp phần cho sự phát triển của công tác CCHC toàn tỉnh.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Những hạn chế về cơ sở vật chất và điều kiện làm việc tại bộ phận Một cửa ở cấp xã vẫn chưa được khắc phục. Tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ giải quyết TTHC tuy được cải thiện nhưng cần tiếp tục quan tâm hơn nữa. Nhận thức về ứng dụng CNTT chưa đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức, viên chức; công tác tuyên truyền phổ biến về ứng dụng CNTT trong CCHC chưa sâu rộng, việc chuyển đổi ở các doanh nghiệp trên địa bàn còn chậm, thiếu mạnh dạn đầu tư; khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ mới bắt đầu triển khai và chưa thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc tinh giảm biên chế trong bộ máy hành chính, sự nghiệp chưa mạnh, tình trạng vừa thừa, vừa thiếu ở nhiều cơ quan, đơn vị vẫn còn.

## **IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

1. Tiếp tục triển khai Chương trình cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh; triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và Kế hoạch CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2021.

2. Đẩy mạnh cải cách thể chế, thực hiện tốt quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, ban hành và kiểm tra, tổ chức thực hiện văn bản QPPL.

3. Tập trung xây dựng, hoàn thiện chính quyền điện tử, hoàn thiện các quy trình vận hành Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã. Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, địa phương, tiến hành kiểm tra tối thiểu 30% tổng số các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC trên tất cả các ngành, loại bỏ những TTHC gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi, minh bạch, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, tăng cường tiếp nhận, giao trả trực tuyến TTHC mức độ 3, mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

5. Thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và UBND cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

6. Tập trung nâng cao ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhất là những cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp, công chức làm việc tại Tiếp nhận và trả kết quả.

7. Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn theo các Nghị định: 16/2015/NĐ-CP, 130/2005/NĐ-CP, 115/2005/NĐ-CP và 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện cổ phần hóa ít nhất 01 đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển đổi theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ.

8. Tiếp tục cải thiện môi quan hệ giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp thông qua cơ chế đối thoại. Triển khai trên diện rộng việc đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là tình hình triển khai công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Bộ Nội vụ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Vụ CCHC;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, TĐKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 214 /BC-UBND ngày 24 / 6 / 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	11	
1.2.	Kiểm tra CCHC			Thời gian triển khai thực hiện: tháng 7
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	16	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	7	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Thời gian triển khai thực hiện: tháng 9/2021
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	45	35 Quyết định của UBND tỉnh; 10 Nghị quyết của HĐND tỉnh
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	40	Đã tự kiểm tra 35 Quyết định QPPL của UBND tỉnh trong năm 2021, 01 Quyết định năm 2017, 01 Quyết định năm 2020 và 03 văn bản của cấp huyện gửi đến.
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	449	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	2	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1	01 Văn bản đã xử lý xong; còn 01 văn bản UBND tỉnh đã có báo cáo giải trình tại CV số 3977/UBND-TC ngày 15/05/2021
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	277	Chuẩn hóa 167 TTHC, sửa đổi, bổ sung 74 TTHC, mới ban hành 29 TTHC, thay thế 07 TTHC
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	36	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	2204	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1709	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	368	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	127	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1760	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên	Thủ tục	399	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Cổng DVC quốc gia			
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	398	Trong đó: - Cấp tỉnh: 336 - Cấp huyện: 35 - Cấp xã: 17
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	428	Từ cấp xã, huyện, sở lên UBND tỉnh
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	89	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95.7	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	~98	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	93,26	Không có TTHC ở cấp xã
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1760	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	2.186	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	2.357	Bao gồm cả 03 cấp (Cấp tỉnh + Cấp huyện + Cấp xã)
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	22	bao gồm Văn phòng HĐND và Đoàn Đại biểu

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				Quốc hội và BQL Khu Kinh tế Công nghiệp tỉnh
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	04	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	144	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	694	
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị	133	
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị	561	
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	11,03	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1992	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1970	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	234	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	07	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,21	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	24.535	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	24.275	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	11	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,1	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	694	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	34	Thi tuyển
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	1	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	145	Xét tuyển
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	1	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	11	GD, PGD sở
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	25	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	19	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	13	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến	Cơ quan, đơn vị	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thời điểm báo cáo)</i>			
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Cơ quan, đơn vị	39	<i>Tăng 2 đơn vị: BQL chợ Bến Ngự, BQL chợ Võ Dạ - TP Huế</i>
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Cơ quan, đơn vị	143	<i>Tăng 2 đơn vị: BV tâm thần Huế, BV phổi - Sở Y tế</i>
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Cơ quan, đơn vị	539	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	1.382	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	804	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	50,8%	98.826/194.379
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	12,5%	24.291/194.379